TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/DS-PT
Ngày : 24/3/2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Đức Thanh**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hồng Ánh**
bà **Nguyễn Thúy Hằng**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Hoa Lê** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà **Nguyễn Hoàng Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST, ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố HL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Vũ Văn T, sinh năm 1983 và chị Doãn Thị S, sinh năm 1990; cùng nơi thường trú: tổ 1, khu 5B, phường BC, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: chị Mai PT, sinh năm 1992; nơi thường trú: tổ 59, khu 4B, phường CX, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/5/2021), có mặt.

2. Bị đơn: anh Lưu Quang L, sinh năm 1981; nơi thường trú: tổ 11, khu 4, phường HT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: anh Trần Quý C, sinh năm 1982; nơi thường trú: Tổ 3, khu 1, phường HT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. (Hợp đồng ủy quyền ngày 22/12/2021), có mặt.

3. Người làm chứng:

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1971; nơi thường trú: Ngã 5, thôn ĐC, xã ĐC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

- Ông Lưu Quang Đ, sinh năm 1952; nơi thường trú: tổ 11b, khu 4b, phường HT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Kháng cáo: bị đơn anh Lưu Quang L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Vũ Văn T và chị Doãn Thị S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: anh Vũ Văn T, chị Doãn Thị S và anh Lưu Quang L là anh em quen biết, hai bên không có việc góp vốn làm ăn chung, không nhận tiền của anh L thông qua chuyển khoản ngân hàng và chưa giao dịch lần nào tại Công ty TNHH Tiến Nhất Ninh Bình và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ LOOACOS. Anh T, chị S biết anh L làm kinh doanh nên nhiều lần cho anh L vay tiền, không tính lãi, thỉnh thoảng anh L kinh doanh tốt có cảm ơn anh T chị S khoảng 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Ngày 13/3/2014, Anh T, chị S cho anh L vay 700.000.000 đồng, hai bên viết giấy vay tiền, thỏa thuận miệng thời hạn vay 1 tháng, khi nào anh T, chị S cần tiền sẽ báo cho anh L trước 10 ngày để anh L hoàn trả số tiền vay. Ngày 01/5/2014, anh T, chị S đề nghị anh L phải trả đủ tiền vay trên trong thời hạn 10 ngày nhưng anh L không trả. Khoảng 5 - 6 tháng sau, anh T, chị S tìm gặp và gọi điện đòi nợ nhưng anh L cố tình trốn tránh. Đến năm 2016, anh T, chị S tới nhà anh L thì được bố anh L là ông Lưu Quang Đ yêu cầu cho xem giấy vay nợ, ông hứa sẽ trả nợ giúp anh L nhưng đến nay anh L chưa lần nào trả nợ cho anh T, chị S. Vì vậy anh T, chị S đề nghị anh L phải trả 1.205.197.000 đồng, trong đó nợ gốc 700.000.000đồng và nợ lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 11/5/2014 đến ngày 09/9/2021 là 505.197.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn anh T chị S xin rút yêu cầu lãi chậm trả chỉ yêu cầu trả nợ gốc 700.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 13/3/2014.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: anh Lưu Quang L và vợ chồng anh Vũ Văn T, chị Doãn Thị S có quan hệ hợp tác làm ăn, phân chia lợi nhuận phát sinh từ việc mua, bán than. Sau mỗi lần bán than, anh L đều thanh toán vốn góp và lợi nhuận cho bà Hoàng Thị N (mẹ đẻ của chị Doãn Thị S). Anh L không vay tiền, không nợ anh T, chị S. Số tiền 700.000.000 đồng là một trong những lần hai bên góp vốn, hợp tác kinh doanh, sau đó, hai bên đã phân chia lợi nhuận, xử lý lỗ nên đến nay hai bên không liên quan đến khoản tiền nào nữa. Việc anh T, chị S khởi kiện yêu cầu anh L thanh toán nợ gốc 700.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả là không đúng theo thỏa thuận của các bên.

Người làm chứng ông Lưu Quang Đ và bà Phạm Thị N có lời khai: ông Đoàn là bố của anh L. Ông không lần nào gặp anh T, chị S đến nhà đòi nợ và không biết việc làm ăn của anh L. Bà N là mẹ của chị Sâm, bà N không biết việc vợ chồng anh T, chị S làm ăn với anh L như thế nào. Bản thân bà N không cùng anh Toán đến Doanh nghiệp TN tại tỉnh Ninh Bình để đòi khoản tiền 800.000.000

đồng như anh L trình bày.

Ngày 18/5/2022, bị đơn anh Lưu Quang L có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố HL bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị Anh T, chị S và Bà N trả cho anh L 1.430.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 630.000.000 đồng (đây là số tiền anh L cho là anh Toán và Bà N đã lấy danh nghĩa của anh L gặp Doanh nghiệp TN để nhận số tiền 800.000.000 đồng trên tổng số 1.500.000.000 đồng mà Doanh nghiệp TN đang nợ anh L); và đề nghị Tòa án bổ sung người tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N. Tòa án thông báo yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn phản tố trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Hết thời hạn bị đơn anh Lưu Quang L không cung cấp, bổ sung được tài liệu chứng cứ nên Tòa án đã thông báo trả lại đơn yêu cầu phản tố cho anh Lưu Quang L theo Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 217, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; 463; 466; 468; 469; Điều 688 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Văn T và chị Doãn Thị S. Buộc anh Lưu Quang L có nghĩa vụ trả cho anh Vũ Văn T, chị Doãn Thị S số tiền 700.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Vũ Văn T, chị Doãn Thị S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Lưu Quang L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn anh Vũ Văn T, chị Doãn Thị S đối với bị đơn anh Lưu Quang L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/12/2022, bị đơn anh Lưu Quang L có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ

nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Quý C có cung cấp tài liệu chứng cứ bổ sung, đó là: 02 Giấy xác nhận ngày 03/12/2022 và ngày 20/3/2023của ông Nguyễn TN là Giám đốc công ty TNHH Tiến Nhất Ninh Bình (gọi tắt là Công ty TN) có địa chỉ tại số 228, đường Cát Linh, phố Tân Thịnh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Giấy xác nhận có nội dung: ngày 26/6/2014 anh Toán cùng với mẹ vợ là bà Hoàng Thị N có vào Ninh Bình gặp tooi là chủ Doanh nghiệp TN để lấy số tiền 800.000.000đ mà Doanh nghiệp TN đang nợ tiền than của anh Lưu Quang L. Anh Toán và chị N có nói với tôi là làm cùng than với anh L, chị N bỏ tiền ra mua than kết hợp cùng công ty của anh L để mang than vào bán cho tôi. Thế nên tôi có trả tiền mặt chô chị N 800.000.000đ, chị N vào lấy trong hai lần… Tôi xin xác nhận sự việc chị N nhận tiền như trên là đúng có gì sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Và 01 Giấy biên nhận ngày 26/6/2014 có nội dung thể hiện: ngày 26/6/2014 bà Hoàng Thị N có ký xác nhận nhận số tiền 330.000.000đ của anh Nguyễn TN lấy tiền than từ Long chuyển sang. Căn cứ vào Giấy xác nhận và Giấy biên nhận này, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm có quan điểm: các chứng cứ bị đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đủ cơ sở chứng minh giữa Anh T, chị S với anh L có quan hệ làm ăn chung với nhau. Số tiền 800.000.000đ Bà N và anh Toán đã lấy từ Công ty TN là số tiền Công ty TN nợ anh L, do đó, việc anh T chị S đòi số tiền 700.000.000đ thì bị đơn đề nghị đối trừ sang số tiền 800.000.000đ mà anh Toán và Bà N đã lấy từ Công ty TN, coi như hai bên không còn nợ nhau.

Với các chứng cứ bị đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm nêu trên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm: số tiền 800.000.000đ mà Bà N lấy của Công ty TN là đúng nhưng không liên quan gì đến số tiền 700.000.000đ chị Sâm anh Toán cho anh L vay nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn cũng như quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là đối trừ hai khoản tiền này vì không liên quan đến nhau.

Người làm chứng bà Hoàng Thị N có lời khai tại phiên tòa phúc thẩm và có quan điểm: bà có đến Công ty TN và Công ty TN có đưa cho bà 800.000.000đ là đúng. Bà N thừa nhận có lấy 800.000.000đ từ Công ty TN nhưng lý do Công ty TN đưa tiền cho bà là do anh L nợ bà 3 tỷ đồng, còn Công ty TN nợ tiền anh L nên bà đến Công ty TN lấy tiền anh L nợ bà thì Công ty TN có gọi điện cho kế toán của Công ty anh L thì Công ty TN trực tiếp là anh Nguyễn TN mới trả tiền cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh

có quan điểm: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ đúng quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lưu Quang L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố HL đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Lưu Quang L làm trong thời hạn luật định và trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn anh Vũ Văn T và chị Doãn Thị S vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Mai PT, bị đơn anh Lưu Quang L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Trần Quý C nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn anh Vũ Văn T, chị Doãn Thị S khởi kiện đề nghị bị đơn anh Lưu Quang L có nghĩa vụ trả nợ gốc 700.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ ngày 13/3/2014. Bị đơn không đồng ý trả nợ với lý do khoản tiền 700.000.000 đồng là do anh T, chị S góp vốn hợp tác, kinh doanh với anh L vì vậy hai bên đã chia lợi nhuận, xử lý lỗ xong. Tuy nhiên bị đơn không giao nộp được tài liệu chứng cứ, chứng minh số tiền 700.000.000 đồng là do anh T, chị S góp vốn kinh doanh chung và không có người làm chứng biết việc hai bên góp vốn. Mặt khác bị đơn thừa nhận chữ ký tại giấy vay tiền đúng là của anh Lưu Quang L. Nội dung tại giấy nhận nợ, hai bên đã xác nhận Anh T, chị S cho anh L vay 700.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất. Anh T, chị S đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh L không trả. Do đó anh T, chị S có quyền đòi lại tài sản đã cho anh L vay là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Với những chứng cứ do các bên đương sự cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Văn T và chị Doãn Thị S. Buộc anh Lưu Quang L có nghĩa vụ trả cho anh Vũ Văn T, chị Doãn Thị S số tiền 700.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Quý C có cung cấp tài liệu chứng cứ bổ sung, đó là: 02 Giấy xác nhận của ông Nguyễn TN là Giám đốc công ty TNHH Tiến Nhất Ninh Bình có địa chỉ tại

số 228, đường Cát Linh, phố Tân Thịnh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Giấy xác nhận có nội dung: ngày 26/6/2014 anh Toán cùng với mẹ vợ là bà Hoàng Thị N có vào Ninh Bình gặp tôi là chủ Doanh nghiệp TN để lấy số tiền 800.000.000đ mà Doanh nghiệp TN đang nợ tiền than của anh Lưu Quang L. Anh Toán và chị N có nói với tôi là làm cùng than với anh L, chị N bỏ tiền ra mua than kết hợp cùng công ty của anh L để mang than vào bán cho tôi. Thế nên tôi có trả tiền mặt chô chị N 800.000.000đ, chị N vào lấy trong hai lần… Tôi xin xác nhận sự việc chị N nhận tiền như trên là đúng có gì sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và 01 Giấy biên nhận ngày 26/6/2014 thể hiện bà Hoàng Thị N có ký xác nhận nhận số tiền 330.000.000đ của ông Nguyễn TN. Xem xét các chứng cứ do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: các chứng cứ là 02 Giấy xác nhận ngày 03/12/2022, ngày 20/3/2023 và 01 Giấy biên nhận ngày 26/6/2014 mà người đại diện theo ủy quyền của bị cung cấp tại phiên tòa hôm nay được các bên đương sự thừa nhận đúng là có sự việc Bà N đến Công ty TN lấy số tiền 800.000.000đ là có thật nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận và khẳng định không liên quan gì đến số tiền 700.000.000đ anh T chị S cho anh L vay. Đồng thời bà Hoàng Thị N có lời khai xác nhận: bà thừa nhận có lấy 800.000.000đ từ Công ty TNHH Tiến Nhất Ninh Bình nhưng lý do Công ty TN đưa tiền cho bà là do anh L nợ bà 3 tỷ đồng, còn Công ty TN nợ tiền anh L nên bà đến Công ty TN lấy tiền anh L nợ bà thì Công ty TN có gọi điện cho kế toán của Công ty anh L thì Công ty TN trực tiếp là anh Nguyễn TN mới trả tiền cho bà. Như vậy, ngoài lời khai của các bên đương sự xác nhận sự việc này thì không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh số tiền 800.000.000đ Bà N lấy từ Công ty TN liên quan đến số tiền 700.000.000đ nguyên đơn anh T chị S khởi kiện yêu cầu bị đơn anh L phải trả. Đối với yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa phúc thẩm là vượt quá phạm vi bản án sơ thẩm đã giải quyết. Do đó, Việc anh Toán, Bà N đã lấy số tiền 800.000.000đ tại Công ty TN mà số tiền này là Công ty TN nợ anh L thì dành quyền khởi kiện cho bị đơn anh Lưu Quang L có quyền khởi kiện đối với Công ty TN, anh Vũ Văn T, bà Hoàng Thị N bằng vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

Với những cơ sở chứng cứ và phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lưu Quang L, cũng như quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị đối trừ khoản tiền 800.000.000đ Bà N lấy của Công ty TN vào số tiền anh T chị S cho anh L vay. Tòa án sơ thẩm buộc anh L phải trả anh T chị S số tiền vay 700.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn anh Lưu Quang L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lưu Quang L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 217, 271, 273, khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; 463; 466; 468; 469; Điều 688 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Văn T và chị Doãn Thị S. Buộc anh Lưu Quang L có nghĩa vụ trả cho anh Vũ Văn T, chị Doãn Thị S số tiền 700.000.000đ (Bẩy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày anh Vũ Văn T, chị Doãn Thị S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Lưu Quang L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn anh Vũ Văn T, chị Doãn Thị S đối với bị đơn anh Lưu Quang L.

Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc anh Lưu Quang L phải chịu 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm; trả lại anh Vũ Văn T và chị Doãn Thị S 24.077.955 (Hai mươi bốn triệu không trăm bẩy mươi bẩy nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng), tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000168 ngày 09/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc anh Lưu Quang L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001277 ngày 22/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố HL;
- CCTHADS thành phố HL;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Thanh